

BẢNG TỔNG HỢP BỔ SUNG CÂN ĐỐI, BỔ SUNG CỐ MỤC TIÊU NĂM 2025

(Đính kèm Báo cáo số: /BC-UBND ngày 24/03/2026 của UBND phường Minh Hưng)

Stt	Nội dung	Dự toán giao	Dự toán thực hiện	Số còn lại nộp trả	Nguyên nhân	Ghi chú
I	Tổng số bổ sung cố mục tiêu	81.545.883.032	62.228.236.147	19.317.646.885		0
1	KP thực hiện nhiệm vụ cấp bách	2.000.000.000	1.983.816.000	16.184.000		525/QĐ-UBND ngày 25/7/2025 UBND tỉnh
2	Bổ sung dự toán 6 tháng cuối năm	12.920.042.348	12.537.157.216	382.885.132		4162/UBND-KTNS ngày 28/8/2025
+	KP hỗ trợ người hoạt động không chuyên trách	661.590.072	570.704.940	90.885.132	Hết nhiệm vụ chi	
+	KP trợ cấp hưu trí theo ND 176/2025/ND-CP	1.950.000.000	1.658.000.000	292.000.000	Hết nhiệm vụ chi	
+	Quỹ tiền thưởng	3.095.000.000	3.095.000.000			
+	Trung tâm dịch vụ tổng hợp	619.449.372	619.449.372			
+	PC trung đội dân quân TT	1.263.641.200	1.263.641.200			
+	Kinh phí thường xuyên quỹ lương + h,động 6 tháng cuối năm	4.738.361.704	4.738.361.704			
+	KP phần mềm tc đảng	25.000.000	25.000.000			
+	Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập	27.000.000	27.000.000			
+	Kinh phí hỗ trợ giáo viên theo nghị định 105/2020/ND-CP	540.000.000	540.000.000			
3	Bổ sung kinh phí thực hiện mua sắm trang thiết bị và nâng cấp hệ thống tra cứu, bỏ số, hiển thị thông tin tại Trung tâm hành chính công	450.000.000	437.747.000	12.253.000	Hết nhiệm vụ chi	5831/UBND-KTNS ngày 22/9/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai
4	Bổ sung mua xe ô tô	1.900.000.000	1.897.202.760	2.797.240	Hết nhiệm vụ chi	CV 7980/UBND-KTNS ngày 21/10/2025
5	BS kinh phí thực hiện các nhiệm vụ 6 tháng cuối năm đợt 2	4.779.625.000	4.201.194.487	578.430.513		CV 8495/UBND-KTNS ngày 28/10/2025; CV 6640/STC-NSNN ngày 14/11/2025
-	Cải tạo, sửa chữa và mua sắm trang thiết bị Trường TH & THCS Minh Long	3.341.000.000	2.826.569.487	514.430.513	Hết nhiệm vụ chi	
-	Kinh phí hỗ trợ phụ nữ sinh con	110.000.000	46.000.000	64.000.000	Hết nhiệm vụ chi	

-	Kinh phí thuê tư vấn xác định giá đất cho dự án xây dựng đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư	281.000.000	281.000.000			
-	Kinh phí lương, phụ cấp hợp đồng 111 ngành giáo dục năm 2025	1.047.625.000	1.047.625.000			
6	KP trợ cấp 06 tháng đầu năm 2025 (trước sắp xếp) theo số liệu KBNN cung cấp	51.645.196.682	33.335.699.682	18.309.497.000	Hết nhiệm vụ chi	CV số 8599 ngày 23/12/2025
7	Phân bổ kinh phí cho các địa phương thực hiện tặng quà của Đảng, Nhà nước nhân dịp chào mừng Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Tết Nguyên đán Bính Ngọ năm 2026	350.800.000	347.200.000	3.600.000	Hết nhiệm vụ chi	3384/QĐ-UBND 30/12/25
8	Tặng quà chào mừng đại hội đại biểu toàn quốc và tết nguyên đán	12.000.000	0	12.000.000	Hết nhiệm vụ chi	Quyết định 3541/QĐ-UBND ngày 31/12/2025
9	Kinh phí tổ chức đại hội Đảng các cấp	700.000.000	700.000.000	0		5250/UBND-KTNS ngày 12/9/2025 tỉnh Đồng Nai
10	Kinh phí đại hội	670.000.000	670.000.000	0		5250/UBND-KTNS ngày 12/9/2025
11	Bổ sung kp thực hiện 1 số nhiệm vụ chi phát sinh cuối năm 2025	1.500.000.000	1.500.000.000	0		CV 8495/UBND-KTNS ngày 28/10/2025
12	BS kinh phí tinh giản biên chế NĐ 154/2025/NĐ-CP	1.320.957.461	1.320.957.461	0		CV 9945/UBND-KTNS ngày 17/11/2025; CV6832/STC-NSNN ngày 11/2025
13	Kinh phí tinh giản biên chế theo Nghị định 154/2025/NĐ-CP	380.861.541	380.861.541	0		3542/QĐ-UBND 31/12/25, CV 735/STC-NSNN ngày 20/01/2026
14	Bổ sung kinh phí cho các địa phương thực hiện tặng quà người dân nhân dịp kỷ niệm 80 năm Cách Mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2/9	3.013.300.000	2.916.400.000	96.900.000	Hết nhiệm vụ chi	Quyết định số 1064/QĐ-UBND ngày 30/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai
15	Giảm trừ quà lễ 02/9	-96.900.000	-96.900.000	0		Công văn số 5617/STC.-NSNN - NSX ngày: 27/10/2025.
16	Nộp trả ngân sách tiền lễ		96.900.000	-96.900.000		Công văn số 5617/STC.-NSNN - NSX ngày: 27/10/2025.
II	Tổng số nộp trả bổ sung cân đối	113.556.000.000	81.141.241.661	32.414.758.339		
1	Giao dự toán đầu năm	113.556.000.000	81.141.241.661	32.414.758.339		Nguyên nhân: do cấp trùng các khoản bổ sung có mục tiêu trước sắp xếp

+	Bổ sung lương, PC, hoạt động			5.470.273.100	Do cấp trùng với các khoản bổ sung có mục tiêu trước sắp xếp	Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh đã bổ sung có mục tiêu cho phường theo nội dung tại QĐ số 2146/QĐ-UBND ngày 06/6/2025 UBND thị xã Chơn Thành
+	Chi hỗ trợ lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở các tháng còn lại của năm 2024 theo Nghị quyết 02/2024/NQ-HĐND ngày 27/06/2024 của HĐND tỉnh Bình Phước			1.234.333.900	Do cấp trùng với các khoản bổ sung có mục tiêu trước sắp xếp	Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh đã bổ sung có mục tiêu cho phường theo nội dung tại QĐ 1433/QĐ-UBND ngày 29/4/2025 UBND thị xã Chơn Thành
+	Bổ sung xây dựng trạm y tế phường Minh Hưng (xã Minh Hưng cũ)			2.966.783.000	Do cấp trùng với các khoản bổ sung có mục tiêu trước sắp xếp	Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh đã bổ sung có mục tiêu cho phường theo nội dung tại QĐ số 138/QĐ-UBND ngày 16/01/2025; 2169/QĐ-UBND ngày 10/06/2025 UBND thị xã Chơn Thành
+	Sửa chữa 04 phòng học của trường Tiểu học Minh Hưng A			1.126.393.000	Do cấp trùng với các khoản bổ sung có mục tiêu trước sắp xếp	Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh đã bổ sung có mục tiêu cho phường theo nội dung tại QĐ số 138/QĐ-UBND ngày 16/01/2025 UBND thị xã Chơn Thành
+	Dự toán giao đầu năm: Bổ sung lương, PC, hoạt động			2.610.000.000	Do cấp trùng với các khoản bổ sung có mục tiêu trước sắp xếp	Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh đã bổ sung có mục tiêu cho phường theo nội dung tại QĐ số 3476/QĐ-UBND ngày 26/12/2024 UBND thị xã Chơn Thành
+	Cải tạo, sửa chữa trụ sở công an phường			1.000.000.000	Do cấp trùng với các khoản bổ sung có mục tiêu trước sắp xếp	Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh đã bổ sung có mục tiêu cho phường theo nội dung tại QĐ số 139 ngày 16/01/2025 UBND thị xã Chơn Thành
+	Xây dựng trường TH&THCS Minh Long đạt chuẩn			1.500.000.000	Do cấp trùng với các khoản bổ sung có mục tiêu trước sắp xếp	Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh đã bổ sung có mục tiêu cho phường theo nội dung tại QĐ số 464 ngày 27/02/2025 UBND thị xã Chơn Thành
+	Tiền thưởng theo NĐ73			85.461.457	Do cấp trùng với các khoản bổ sung có mục tiêu trước sắp xếp	Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh đã bổ sung có mục tiêu cho phường theo nội dung tại QĐ số 545 ngày 12/03/2025 UBND thị xã Chơn Thành
+	Chi hỗ trợ lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở các tháng còn lại của năm 2024 theo Nghị quyết 02/2024/NQ-HĐND ngày 27/06/2024 của HĐND tỉnh Bình Phước			366.794.600	Do cấp trùng với các khoản bổ sung có mục tiêu trước sắp xếp	Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh đã bổ sung có mục tiêu cho phường theo nội dung tại QĐ số 1433 ngày 29/04/2025 UBND thị xã Chơn Thành
+	Xây dựng trường TH&THCS Minh Long đạt chuẩn			2.000.000.000	Do cấp trùng với các khoản bổ sung có mục tiêu trước sắp xếp	Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh đã bổ sung có mục tiêu cho phường theo nội dung tại QĐ số 1696 ngày 13/05/2025 UBND thị xã Chơn Thành
+	Cải tạo, sửa chữa trụ sở công an phường			1.600.000.000	Do cấp trùng với các khoản bổ sung có mục tiêu trước sắp xếp	Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh đã bổ sung có mục tiêu cho phường theo nội dung tại QĐ số 2169/QĐ-UBND ngày 10/6/2025 UBND thị xã Chơn Thành

+	Xây dựng trường TH&THCS Minh Long đạt chuẩn			2.497.000.000	Do cấp trùng với các khoản bổ sung có mục tiêu trước sắp xếp	Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh đã bổ sung có mục tiêu cho phường theo nội dung tại QĐ số 2169/QĐ-UBND ngày 10/6/2025 UBND thị xã Chơn Thành
+	Cải tạo, sửa chữa và mua sắm trang thiết bị Trường TH & THCS Minh Long			3.834.000.000	Do cấp trùng với các khoản bổ sung có mục tiêu trước sắp xếp	Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh đã bổ sung có mục tiêu cho phường theo nội dung tại QĐ số 2254 ngày 13/06/2025 UBND thị xã Chơn Thành
+	Nguồn cải cách tiền lương năm trước chuyển sang còn lại			4.585.719.282	Do nguồn cải cách tiền lương đã được tính cấp chi trả cho thôi việc theo Nghị định 178/2025/NĐ-CP	Do nguồn cải cách tiền lương đã được tính cấp chi trả cho thôi việc theo Nghị định 178/2025/NĐ-CP
+	Tiết kiệm 10% chi thường xuyên nguồn CCTL còn lại năm 2025			421.000.000	Do nguồn cải cách tiền lương đã được tính cấp chi trả cho thôi việc theo Nghị định 178/2025/NĐ-CP	Do nguồn cải cách tiền lương đã được tính cấp chi trả cho thôi việc theo Nghị định 178/2025/NĐ-CP
+	Kinh phí tiết kiệm thực hiện các chế độ nghỉ hưu, nghỉ việc theo Nghị định số 178/NĐ-CP; Nghị định số 154/NĐ-CP:			1.117.000.000		
I+II	Tổng cộng	195.101.883.032	143.369.477.808	51.732.405.224		

Tổng kinh phí nộp trả bằng chữ: Năm mươi một tỉ bảy trăm ba mươi hai triệu bốn trăm lẻ năm ngàn hai trăm hai mươi bốn đồng